UBND TỈNH HẢI DƯƠNG **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:255/QĐ-SYT	*Hải Dương, ngày 07 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn thực hiện trong khám, chữa bệnh tại TTYT huyện Cẩm Giàng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh Hải Dương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT, ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT, ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trung tâm y tế huyện Cẩm Giàng tại Công văn số 280/CV-TTYT ngày 28/3/2024 về việc đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung lần 7 trong khám chữa bệnh và đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung 181 danh mục kỹ thuật chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT và Thông tư số 21/2017/TT-BYT đối với TTYT huyện Cẩm Giàng *(Có danh mục cụ thể kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Phòng chuyên môn thuộc Sở Y tế, Giám đốc TTYT huyện Cẩm Giàng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH HẢI DƯƠNG

Nguyễn Thị Trung Chính

DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG THEO THÔNG TƯ SỐ 43/2013/TT-BYT VÀ THÔNG TƯ SỐ 21/2017/TT-BYT THỰC HIỆN TRONG KCB TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM GIÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 255/QĐ-SYT ngày 07/5/2024 của Sở Y tế)

I. DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG THEO THÔNG TƯ SỐ 43/2013/TT-BYT

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		CHƯƠNG III. NHI KHOA (Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)				
		VIII. BỎNG				
		B. CÁC KỸ THUẬT TRONG ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MÃN TÍNH				
1.	1516	Thay băng điều trị vết thương mãn tính	x	x		
2.	1517	Ngâm rửa điều trị vết thương mãn tính	x	x		
3.	1518	Cắt đáy ổ loét vết thương mãn tính	x	x		
		IX. MẮT				
4.	1663	Khâu da mi	x	x	x	
5.	1665	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x	
		X. RĂNG HÀM MẶT				
		A. RĂNG				
6.	1815	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	x	x		
7.	1816	Phẫu thuật cắt phanh môi	x	x		
8.	1817	Phẫu thuật cắt phanh má	x	x		
9.	1819	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x		
10.	1820	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	x	x		
11.	1821	Phẫu thuật nạo túi quanh răng	x	x		
12.	1834	Điều trị áp xe quanh răng	x	x		
13.	1836	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	x	x		
14.	1837	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Compomer	x	x		
15.	1842	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay Composite	x	x		
16.	1845	Chụp tủy bằng MTA	x	x		
17.	1847	Lấy tủy buồng Răng vĩnh viễn	x	x		
18.	1848	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trâm xoay máy	x	x		
19.	1851	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA	x	x		
20.	1852	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhổ)	x	x		

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
21.	1853	Điều trị tủy lại	x	x		
22.	1855	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma	x	x		
23.	1856	Tẩy trắng răng tủy sống bằng Laser	x	x		
24.	1857	Tẩy trắng răng nội tủy	x	x		
25.	1858	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	x	x		
26.	1859	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay	x	x		
		B. HÀM MẶT				
27.	1998	Phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x		
		XI. TAI MŨI HỌNG				
		A. TAI				
28.	2104	Vá nhĩ đơn thuần	x	x		
29.	2108	Đặt ống thông khí hòm tai	x	x		
30.	2110	Phẫu thuật cắt vành tai	x	x		
		B. MŨI XOANG				
31.	2139	Khâu lỗ thủng bịt vách ngăn mũi	x	x		
32.	2141	Phẫu thuật nạo sàng hàm	x	x	x	
33.	2143	Đốt cuốn mũi bằng coblator	x	x	x	
34.	2145	Phẫu thuật vách ngăn mũi	x	x	x	
35.	2146	Phẫu thuật nạo VA đặt ống thông khí	x	x	x	
36.	2153	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
		C. HỌNG – THANH QUẢN				
37.	2174	Phẫu thuật cắt phanh môi, má, lưỡi	x	x	x	
38.	2177	Cắt u nang hạ họng-thanh quản qua nội soi	x	x	x	
39.	2179	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	x	x	x	
40.	2180	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	x	x	x	
		D. CỔ - MẶT				
41.	2197	Phẫu thuật cắt u xơ vòm mũi họng	x	x		
42.	2211	Phẫu thuật lấy đường rò tai, cổ	x	x		
43.	2213	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ mặt trên 5cm	x	x		
44.	2215	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ mặt dưới 5cm	x	x		
45.	2227	Phẫu thuật khâu phục hồi tổn thương phần mềm miệng, họng	x	x		
46.	2240	Phẫu thuật nạo VA gây mê	x	x	x	
47.	2245	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	x	x	x	

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		XV. UNG BƯỚU- NHI				
		Đ. TAI – MŨI – HỌNG				
48.	2613	Cắt polyp ống tai	x	x	x	
49.	2614	Cắt polyp mũi	x	x	x	
		XVII. TẠO HÌNH THẨM MỸ				
		B. PHẪU THUẬT THẨM MỸ				
		5. Tai				
50.	2934	Cắt sụn thừa nắp tai	x	x	x	
		9. Các kỹ thuật chung				
51.	2953	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vạt tại chỗ	x	x		
		XIX. NGOẠI KHOA				
		C. TIÊU HÓA – BỤNG				
		4. Hậu môn – trực tràng				
52.	3341	Phẫu thuật Longo	x	x		
53.	3348	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	x	x		
54.	3350	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	x	x		
55.	3365	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên	x	x		
56.	3366	Phẫu thuật trĩ độ III	x	x		
57.	3367	Phẫu thuật trĩ độ III	x	x		
58.	3368	Phẫu thuật trĩ độ IV	x	x		
59.	3369	Cắt bỏ trĩ vòng	x	x		
60.	3370	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu	x	x		
61.	3376	Thắt trĩ độ I, II	x	x	x	
62.	3377	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	x	x	x	
63.	3378	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	x	x	x	
64.	3379	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	x	x	x	
		5. Bẹn - Bụng				
65.	3395	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	x	x		
66.	3397	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	x	x		
		Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
		5. Sinh dục				
67.	3594	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo	x	x		
68.	3599	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên	x	x	x	
		E. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		2. Vai				
69.	3647	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn	x	x		
70.	3649	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương	x	x	x	

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		đòn				
		3. Cánh, cẳng tay				
71.	3673	Phẫu thuật can lệnh đầu dưới xương quay	x	x		
72.	3675	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	x	x		
73.	3676	Nắn găm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles	x	x		
74.	3679	Phẫu thuật gãy Monteggia	x	x		
75.	3684	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x	x	
76.	3685	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	x	x	x	
77.	3686	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	x	x	x	
78.	3687	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	x	x	x	
79.	3688	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay	x	x	x	
80.	3689	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	x	x	x	
81.	3690	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay	x	x	x	
		4. Bàn, ngón tay				
82.	3702	Cắt dị tật bẩm sinh về bàn và ngón tay	x	x		
83.	3703	Găm đinh Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn	x	x		
84.	3706	Phẫu thuật điều trị ngón tay cò súng	x	x		
85.	3707	Phẫu thuật điều trị các dị tật bàn tay, di chứng vết thương bàn tay	x	x		
86.	3712	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	x	x	x	
		7. Cẳng chân				
87.	3759	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày	x	x		
88.	3760	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	x	x		
89.	3778	Găm Kirschner trong gãy mắt cá	x	x		
90.	3779	Kết hợp xương trong trong gãy xương mác	x	x		
		8. Cổ chân, bàn chân, ngón chân				
91.	3789	Đặt nẹp vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	x	x		
92.	3797	Tháo bỏ các ngón chân	x	x		
93.	3798	Tháo đốt bàn	x	x		
		9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)				

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
94.	3800	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương	x	x		
95.	3802	Tạo hình các vạt da che phủ, vạt trượt	x	x		
96.	3803	Nối gân gấp	x	x		
97.	3804	Gỡ dính gân	x	x		
98.	3807	Vá da dày toàn bộ, diện tích bằng và trên 10cm2	x	x		
99.	3819	Nối gân duỗi	x	x	x	
100.	3820	Tạo hình bằng các vạt tại chỗ đơn giản	x	x	x	
101.	3824	Vá da dầy toàn bộ, diện tích dưới 10cm2	x	x	x	
		11. Các kỹ thuật khác				
102.	3899	Mở cửa sổ xương	x	x	x	
103.	3902	Phẫu thuật vết thương khớp	x	x	x	
		CHƯƠNG X. NGOẠI KHOA				
		A. THẦN KINH - SỌ NÃO				
		16. Thần kinh ngoại biên				
104.	148	Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên	x	x		
		B. TIM MẠCH - LỒNG NGỰC				
		1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực				
105.	164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x	x	x	x
		2. Cấp cứu chấn thương- vết thương mạch máu				
106.	172	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	x	x	x	x
		D. TIÊU HÓA				
		7. Tầng sinh môn				
107.	552	Phẫu thuật Longo	x	x		
108.	553	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	x	x		
109.	554	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	x	x		
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		1. Vùng vai-xương đòn				
110.	721	Phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	x	x		
		2. Vùng cánh tay				
111.	725	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay	x	x		
112.	730	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x		
113.	731	Phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	x	x		
114.	733	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh	x	x		

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		tay				
		3. Vùng cẳng tay				
115.	734	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	x	x	x	
116.	736	Phẫu thuật KHX gãy Monteggia	x	x		
117.	737	Phẫu thuật KHX gãy đài quay	x	x		
118.	740	Phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	x	x		
119.	744	Phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay	x			
		4. Vùng bàn tay				
120.	745	Phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	x			
121.	746	Phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay	x			
122.	747	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay	x			
123.	751	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn – cổ tay	x	x		
		6. Vùng đùi				
124.	765	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi	x	x		
		7. Khớp gối				
125.	773	Phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp	x	x		
		8. Vùng cẳng chân				
126.	775	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong	x	x		
127.	776	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài	x	x		
128.	783	Phẫu thuật KHX gãy 2 mắt cá cổ chân	x			
		9. Vùng gót chân-bàn chân				
129.	788	Phẫu thuật KHX gãy xương gót	x			
		12. Vùng cổ tay-bàn tay				
130.	816	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay	x	x		
131.	817	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	x	x		
132.	820	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x		
133.	823	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới	x	x		
134.	827	KHX qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay	x	x		
135.	832	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x		
136.	839	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	x	x		
137.	840	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	x	x		
138.	843	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	x	x		

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
139.	849	Phẫu thuật làm cứng khớp bàn, ngón tay	x			
140.	850	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	x	x		
141.	851	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	x	x		
		13. Vùng cổ chân-bàn chân				
142.	866	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	x	x		
143.	868	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót	x			
144.	870	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	x	x		
145.	875	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	x	x		
146.	876	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	x	x		
147.	878	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	x	x		
		14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình				
148.	883	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè	x			
149.	884	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi	x			
150.	885	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	x	x		
		15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em				
151.	904	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	x	x		
152.	906	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x		
153.	909	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x		
154.	915	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	x	x		
		16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác				
155.	947	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x		
156.	956	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp	x	x		
157.	957	Phẫu thuật điều trị gãy xương/ đặt lại xương trên một vùng chi thể (không sử dụng các phương tiện kết hợp xương)	x	x		
158.	959	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ	x	x		
159.	962	Phẫu thuật vá da diện tích >10cm2	x	x		
160.	963	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân)	x	x		
161.	964	Phẫu thuật nối gân gấp/ kéo dài gân (1 gân)	x	x		
162.	965	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu…)	x	x		
163.	973	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp	x			
164.	974	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi	x			

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
165.	977	Phẫu thuật vá da dày > 1 cm2	x	x		
166.	978	Phẫu thuật vá da mỏng	x	x		
167.	983	Phẫu thuật vết thương khớp	x	x		
		CHƯƠNG XII. UNG BƯỚU				
		A. ĐẦU-CỔ				
168.	6	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm	x	x		
		L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP				
169.	322	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	x	x	x	
170.	323	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam	x	x	x	
		CHƯƠNG XIII. PHỤ SẢN				
		B. PHỤ KHOA				
171.	115	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	x	x		
		CHƯƠNG XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ				
		D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY				
172.	324	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vạt da tại chỗ	x	x		
173.	329	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ	x	x		
174.	335	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	x	x		
175.	342	Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật	x	x	x	
176.	344	Gỡ dính thần kinh	x	x		
177.	355	Phẫu thuật tách dính 2 ngón tay	x	x		
178.	358	Phẫu thuật cắt ngón tay thừa	x	x		
179.	359	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay cái thừa	x	x		
		Đ. TẠO HÌNH CHO VÙNG CHI DƯỚI				
180.	390	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vạt da tại chỗ	x	x		

Tổng cộng: 180 kỹ thuật./.

II. DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG THEO THÔNG TƯ SỐ 21/2017/TT-BYT

STT	TT theo TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		CHƯƠNG XI. BỎNG				
		G. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH				
1	160	Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị vết thương mạn tính	x	x		

Tổng cộng: 01 kỹ thuật./.